

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2026/HS-ST
Ngày 30-7-2026.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Thanh Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Mạnh Hà
Ông Hồ Bá Võ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Khánh Hà – Thư ký Tòa án Nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Chung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/7/2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 76/2026/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2026/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Thanh B; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 19 tháng 5 năm 1990; Nơi sinh: xã Đ, tỉnh Nghệ An; CCCD số: 040090xxxxxx do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 01/01/2022; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn C (nay là Thôn C), xã Đ, tỉnh Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Con ông: Lê Doãn Đ (đã mất) và con bà: Hồ Thị H, sinh năm 1968; Vợ: Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh năm 1992; Con: có 02 con, đều sinh năm 2025; Tiền sự, Tiền án: Không.

Nhân thân: Ngày 14/8/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Nghệ An) xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo Bản án số 58/2020/HSST ngày 25/11/2020.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 11 tháng 9 năm 2025 đến nay. Hiện nay, đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Bị hại:

+ Chị Quách Thị T, sinh năm 1988. CCCD số: 017188xxxxxx cấp ngày 11/8/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về Trật tự xã hội. Địa chỉ: xóm R

(nay là Thôn Đ), xã L, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

+ Anh Bùi Văn H1, sinh năm 1989. CCCD số: 037089xxxxxx cấp ngày 01/6/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về Trật tự xã hội. Địa chỉ: thôn Đ (Tổ dân phố S), phường T, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Nguyễn Mỹ L, sinh năm 1993. Địa chỉ: Nhà số D, ngõ S đường Đ, phường T, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1988. Địa chỉ: Xóm Đ (nay là xóm H), xã H, tỉnh Nghệ An. Có mặt, vắng mặt lúc tuyên án.

+ Chị Nguyễn Thị B1, sinh năm 1999. Địa chỉ: Xóm A, xã N, huyện N (nay là xóm A xã N), tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

+ Anh Trần Cao T1 sinh năm 1984. Địa chỉ: Khối B, phường T, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thanh B là Giám đốc, đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn T11 (sau đây gọi là Công ty T11), mã số doanh nghiệp: 2902195xxx, địa chỉ: số F đường L, phường T, tỉnh Nghệ An. Ngành nghề kinh doanh: xây dựng nhà để ở.

Trong quá trình hoạt động của Công ty T11, khoảng tháng 10/2024 Lê Thanh B tìm hiểu và nắm được thông tin có Dự án Trung tâm thương mại K tại xã N và Trung tâm thương mại tại xã N, tỉnh Nghệ An nên đã có ý định lập hồ sơ xin làm các dự án này. B đã tìm hiểu, xin thông tin của 02 Dự án này và làm Tờ trình kèm bản mô tả Dự án gửi Ủy ban nhân dân tỉnh N qua bộ phận Văn thư.

Ngày 11/11/2024, UBND tỉnh N ban hành văn bản số 9932/UBND-CN gửi các Sở, ban ngành gồm: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở T12, Cục Thuế tỉnh; UBND huyện N (cũ); Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh về việc xem xét đề xuất của Công ty T11 đồng thời yêu cầu Công ty T11 nộp hồ sơ theo quy trình, quy định. Tuy nhiên, sau khi nhận được văn bản của UBND tỉnh N, Công ty T11 không tiến hành nộp hồ sơ về Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An hoặc các Sở, Ban, Ngành, UBND huyện N (cũ) để xem xét hồ sơ tham mưu UBND tỉnh theo quy định.

Cũng trong thời gian này, B tìm hiểu qua mạng xã hội LITMATCH thì quen biết và có mối quan hệ tình cảm với chị Quách Thị T (*sinh năm 1988, trú tại xã L, tỉnh Phú Thọ*), sau đó B và T kết bạn qua mạng xã hội Zalo. Quá trình trao đổi, B giới thiệu bản thân là Giám đốc Công ty và chuyên làm các Dự án còn T giới

thiệu cho B có anh Bùi Văn H1 (*sinh năm 1989, trú tại T, tỉnh Ninh Bình*) làm ở Công ty chuyên về xây dựng, là em của T muốn làm ăn góp vốn với B.

Quá trình điều tra vụ án, xác định được hành vi phạm tội của Lê Thanh B cụ thể như sau:

*** Đối với hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”:**

Xuất phát từ mục đích kiếm tiền chi tiêu cá nhân (trả nợ, nhập thêm hàng về cho Siêu thị M1, trả lương cho nhân viên...), trong thời gian quen biết chị Quách Thị T và anh Bùi Văn H1, B đã đưa ra các thông tin không có thật có liên quan đến Dự án Trung tâm thương mại K tại xã N và Trung tâm thương mại tại xã N, tỉnh Nghệ An để yêu cầu chị T và anh H1 chuyển khoản tiền cho B “chạy” Dự án. Trong thời gian từ ngày 21/3/2025 đến ngày 22/4/2025, chị Quách Thị T và anh Bùi Văn H1 đã chuyển khoản và nhờ người khác chuyển khoản cho Nguyễn Thanh B2 tổng số tiền có liên quan đến Dự án là: 237.000.000 đồng (trong đó H1 chuyển khoản 05 lần với tổng số tiền: 77.000.000 đồng; T chuyển khoản 06 lần với tổng số tiền: 160.000.000 đồng). Chi tiết các lần chuyển khoản như sau:

(1). Ngày 21/03/2025, Bùi Văn H1 chuyển khoản cho Lê Thanh B từ số tài khoản 820018282xxxxx, mang tên BUI VAN H1 mở tại Ngân hàng M2 đến số tài khoản của B số tiền 18.000.000 đồng.

(2). Ngày 31/03/2025, Bùi Văn H1 chuyển khoản cho Lê Thanh B từ số tài khoản 8977788xxxxx mang tên BUI VAN H1 mở tại Ngân hàng M2 đến số tài khoản của B số tiền 4.000.000 đồng.

(3). Ngày 08/04/2025, Bùi Văn H1 chuyển khoản cho Lê Thanh B từ số tài khoản 820018282xxxxx, mang tên BUI VAN H1 mở tại Ngân hàng M2 đến số tài khoản của B số tiền 15.000.000 đồng.

(4). Ngày 12/4/2025, Quách Thị T chuyển tiền cho Lê Thanh B thông qua tài khoản của người khác mang tên Bùi Thị P (là người quen của T) số tiền 18.000.000 đồng.

(5). Ngày 12/4/2025, Quách Thị T chuyển tiền cho Lê Thanh B qua tài khoản người khác mang tên Bùi Thị P1 (là người quen của T) số tiền 2.000.000 đồng.

(6). Ngày 18/04/2025, Bùi Văn H1 chuyển khoản cho Lê Thanh B từ số tài khoản 820018282xxxxx, mang tên BUI VAN H1 mở tại Ngân hàng M2 đến số tài khoản của B số tiền 20.000.000 đồng, nội dung: “BUI VAN H1 chuyen tien anh binh lo viec Cty 195 của cty S1”.

(7). Ngày 18/4/2025, Quách Thị T chuyển tiền cho Lê Thanh B qua tài khoản của Triệu Văn T2 là 866866866xxxxx (là người quen của T) số tiền 20.000.000 đồng, nội dung: “T yen thuy chuyen tien a binh lo du an của cty S1”.

(8). Ngày 19/4/2025, Quách Thị T chuyển tiền cho Lê Thanh B qua tài khoản của Triệu Văn T2 là 866866866xxxx (là người quen của T) số tiền 20.000.000 đồng, nội dung: “T yen thuy chuyen tien a binh lo du an của cty S1”.

(9). Ngày 19/04/2025, Bùi Văn H1 chuyển khoản cho Lê Thanh B từ số tài khoản 820018282xxxx, mang tên BUI VAN H1 mở tại Ngân hàng M2 đến số tài khoản của B số tiền 20.000.000 đồng, nội dung: “BUI VAN H1 chuyen tien anh binh lo viec cho cty S1”.

(10). Ngày 22/4/2025, Quách Thị T chuyển tiền cho Lê Thanh B qua tài khoản của T là 300821502xxxx, mở tại Ngân hàng A số tiền 100.000.000 đồng (chia thành 02 lần chuyển khoản, 01 lần chuyển số tiền 40 triệu đồng, 01 lần chuyển khoản số tiền 60 triệu đồng) nội dung: “Quach Thi T chuyen tien cho a binh lo viec cho cty S1”.

Tổng số tiền mà Quách Thị T và Bùi Văn H1 đã chuyển khoản cho B là: 237.000.000 đồng.

Sau khi nhận được tiền từ Quách Thị T và Bùi Văn H1 thì Lê Thanh B không sử dụng tiền vào nội dung công việc liên quan đến 02 dự án như đã hứa hẹn mà sử dụng vào mục đích chi tiêu cá nhân, chi trả tiền nợ cho người khác và mua hàng hoá cho Siêu thị mini của B.

*** Đối với hành vi “Làm giả, con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức, sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức” :**

Trong quá trình điều tra vụ án có đủ căn cứ xác định được Lê Thanh B còn có hành vi “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Hành vi phạm tội cụ thể như sau: Sau khi đưa ra các thông tin gian dối về Dự án dẫn đến việc T và H1 đã chuyển khoản tiền; vì không thấy B gửi các giấy tờ/tài liệu có liên quan đến Dự án nên chị T và anh H1 đã liên hệ và yêu cầu B phải gửi các giấy tờ/tài liệu có liên quan; Để tiếp tục tạo lòng tin từ chị T và anh H1, B đã có hành vi làm giả các tài liệu sau đây:

(1). Đối với Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 00183251 đối với thửa đất số 21, diện tích 39.849,10 m² tại Thôn Y, xã N, tỉnh Nghệ An do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 20 tháng 4 năm 2025:

Khoảng tháng 4/2025, Lê Thanh B sử dụng tài khoản facebook của mình là “*Lê Thanh B*” vào các trang Facebook tìm các trang mạng làm giả giấy tờ, tài liệu để tìm người làm giả tài liệu cho bản thân. Sau khi kết bạn qua ứng dụng Telegram với tài khoản facebook có tên “*Nhu T3*” qua số điện thoại 0944538xxx, B trao đổi với người này về việc cần làm giả một số giấy tờ giả, người này thoả thuận nếu làm bản giấy thì giá là 1.700.000 đồng, làm bản mềm thì giá là một triệu đồng, B đồng ý làm bản mềm. Sau đó, B gửi thông tin Dự án Trung tâm thương mại A1, thông tin Công ty của B, chụp ảnh hình ảnh con dấu của UBND tỉnh N, chữ ký

ông Bùi Đình L1 (Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An) do B lấy trên mạng sau đó gửi cho người này qua ứng dụng Telegram.

Sau đó khoảng 2-3 ngày, người này gửi lại hình ảnh của tài liệu có tên “CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ” cho B xem, B đồng ý nên người này gửi file dưới định dạng PDF qua Zalo cho B, B trả tiền công một triệu đồng bằng hình thức chuyển khoản (B không nhớ chính xác thời gian, nội dung và số tài khoản nhận). Sau đó, B tải file “CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ”.PDF về máy tính cá nhân tại bàn làm việc có kết nối với máy in màu nhãn hiệu Canon G1010, sau đó in ra chụp ảnh gửi bản ảnh cho Chị T và anh H1 vào ngày 28/4/2025 nhằm mục đích tạo lòng tin.

(2). Đối với Giấy phép xây dựng số 382/GPXD đề ngày 20/3/2025 của Sở Xây dựng tỉnh N và Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy của Công an tỉnh Nghệ An.

Khoảng cuối tháng 4/2025, Lê Thành B3 tiếp tục sử dụng tài khoản Facebook tên “Lê Thanh B” vào các Nhóm chuyên về làm giấy tờ/tài liệu giả và kết bạn với tài khoản có tên “Phan Toan”, người này kết bạn qua Telegram với B qua số điện thoại 0944538xxx. B trao đổi về việc cần làm giả tài liệu Giấy phép xây dựng số 382/GPXD đề ngày 20/3/2025 của Sở Xây dựng tỉnh N và Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy của Công an tỉnh Nghệ An và người này yêu cầu giá là hai triệu đồng thì B đồng ý.

B gửi thông tin của Công ty B5, thông tin Dự án 195; Đối với Giấy phép xây dựng thì B gửi thông tin còn con dấu do người này tự làm; Đối với Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy thì B chụp lại bản ảnh chữ ký của Thượng tá Nguyễn Thiện T4 có trong Hồ sơ vay vốn Trường L3, tỉnh Thanh Hóa và trao đổi với người này con dấu ở Nghệ An nhờ chỉnh sửa lại cho đúng.

Sau đó, khoảng 05 ngày sau thì người này gửi 02 tài liệu giả nêu trên cho B qua ứng dụng Zalo dưới định dạng File PDF, B thanh toán qua mã QR số tiền hai triệu đồng (B không nhớ số tài khoản người nhận tiền). Sau đó, B tải 02 tài liệu giả nói trên về máy tính cá nhân của B có kết nối với máy in màu và in ra. Đối với Giấy phép xây dựng, B tự ký giả chữ ký của ông Nguyễn Văn H2-Phó Giám đốc Sở xây dựng, tự điền ngày tháng năm và số giấy phép rồi chụp ảnh và gửi bản ảnh qua Z cho Chị T và anh H1 vào các ngày 07 và 08/5/2025 nhằm mục đích tạo lòng tin.

(3). Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đề ngày 20/4/2025 của UBND huyện N và Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số NA-00019673 đề ngày 25/4/2025 của Công ty TNHH MTV xây dựng Ngọc Hà

Cũng vào khoảng cuối tháng 4/2025, Lê Thanh B3 tiếp tục sử dụng tài khoản Facebook tên “Lê Thanh B” vào các Nhóm chuyên về làm giấy tờ/tài liệu giả và kết bạn với tài khoản có tên “Vu T5”. Người này đã đồng ý kết bạn qua ứng dụng Telegram với B và thỏa thuận chi phí làm giả 02 tài liệu nêu trên với giá là 2,8 triệu đồng. Sau đó, B gửi thông tin Dự án Trung tâm thương mại A1, thông tin Công ty của B, hình vẽ của thửa đất (trước đó B đã thuê 01 người đi đo 01 thửa đất tại xã N, tỉnh Nghệ An), hình ảnh con dấu của UBND huyện N (do B lấy trên mạng), hình ảnh con dấu của Sở Xây dựng (B chụp từ Giấy phép xây dựng giả đã làm từ trước) gửi cho người này.

Sau đó khoảng 01 tuần, người này làm xong và gửi cho B qua đường bưu điện, được shipper giao cho B. Vì Chứng chỉ năng lực bị sai thông tin nên B và người này thống nhất số tiền công là hai triệu đồng, B thanh toán bằng chuyển khoản (do thời gian đã lâu nên B không nhớ chính xác thời gian, nội dung, số tài khoản nhận tiền). Sau khi nhận được tài liệu thì B giả chữ ký của ông Nguyễn Văn H2-Phó Giám đốc Sở; tự ký nháy, ký tên Trần Mạnh H3-Phó Chủ tịch UBND huyện N, tự điền ngày tháng vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất. Đối với Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng vì B lấy thông tin của Công ty TNHH MTV X để làm chứng chỉ với mục đích bỏ vào hồ sơ xây dựng để cho chị T, anh H1 tin tưởng là Dự án có nhiều Công ty tham gia. Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì B chụp trước 01 nửa hình ảnh gửi cho T và H1 vào ngày 19/5/2025 để thể hiện việc Công ty của B đã được cấp đất thực hiện Dự án.

Kể từ thời điểm ngày 28/4/2025-19/5/2025, sau khi nhận được các tài liệu giả từ B và B yêu cầu chuyển tiền tiếp thì chị Quách Thị T tin tưởng tiếp tục chuyển khoản cho B tổng số tiền là 120.000.000 đồng, cụ thể như sau:

(1). Ngày 29/4/2025, Quách Thị T chuyển tiền cho Lê Thanh B qua tài khoản của Triệu Văn T2 là 866866866xxxx (là người quen của T) số tiền 30.000.000 đồng, nội dung: T yen thuy gui.

(2). Ngày 30/4/2025, Quách Thị T chuyển tiền cho Lê Thanh B qua tài khoản của T là 300821502xxxx, mở tại Ngân hàng A số tiền 20.000.000 đồng, nội dung: Quach Thi T6 chuyen tien gui a binh.

(3). Ngày 19/5/2025, Quách Thị T chuyển tiền cho Lê Thanh B qua tài khoản của Triệu Văn T2 là 866866866xxxx (là người quen của T) số tiền 70.000.000 đồng, nội dung: t yen thuy gui.

Trong quá trình điều tra vụ án cũng xác định ngoài số tiền mà B đã sử dụng thủ đoạn gian dối và thông tin không đúng sự thật về 02 Dự án để yêu cầu Quách Thị T và Bùi Văn H1 chuyển khoản với tổng số tiền là 357 triệu đồng thì giữa B và Quách Thị T, Bùi Văn H1 còn phát sinh một số giao dịch chuyển khoản là tiền vay nợ cá nhân, cụ thể như sau:

(1). Ngày 18/03/2025, Quách Thị T chuyển khoản cho Lê Thanh B từ số tài khoản 300821502xxxx, mang tên QUACH THI T, mở tại Ngân hàng A đến tài khoản của B số tiền 40.000.000 đồng;

(2). Ngày 31/03/2025, Quách Thị T chuyển khoản cho Lê Thanh B từ số tài khoản 300821502xxxx, mang tên QUACH THI T, mở tại Ngân hàng A đến tài khoản của B số tiền 20.000.000 đồng;

(3). Ngày 05/04/2025, Quách Thị T chuyển khoản cho Lê Thanh B từ số tài khoản 300821502xxxx, mang tên QUACH THI T, mở tại Ngân hàng A đến tài khoản của B số tiền 20.000.000 đồng;

(4). Ngày 23/4/2025, Bùi Văn H1 chuyển khoản cho Lê Thanh B từ số tài khoản 8977788xxxx mang tên BUI VAN H1 mở tại Ngân hàng M2 đến số tài khoản của B số tiền 2.000.000 đồng;

(5). Ngày 28/4/2025, Bùi Văn H1 chuyển khoản cho Lê Thanh B từ số tài khoản 8977788xxxx mang tên BUI VAN H1 mở tại Ngân hàng M2 đến số tài khoản của B số tiền 4.000.000 đồng;

(6). Ngày 04/05/2025, Quách Thị T chuyển khoản cho Lê Thanh B từ số tài khoản 300821502xxxx, mang tên QUACH THI T, mở tại Ngân hàng A đến tài khoản của B số tiền 20.000.000 đồng;

(7). Ngày 07/05/2025, Bùi Văn H1 chuyển khoản cho Lê Thanh B từ số tài khoản 8977788xxxx mang tên BUI VAN H1 mở tại Ngân hàng M2 đến số tài khoản của B số tiền 3.000.000 đồng;

(8). Ngày 07/05/2025, Quách Thị T chuyển khoản cho Lê Thanh B từ số tài khoản 300821502xxxx, mang tên QUACH THI T, mở tại Ngân hàng A đến tài khoản của B số tiền 5.000.000 đồng;

(9). Ngày 08/05/2025, Quách Thị T chuyển khoản cho Lê Thanh B thông qua tài khoản của người khác mang tên Triệu Văn T2 (là người quen của T), số tài khoản 866866866xxxx số tiền 50.000.000 đồng;

(10). Ngày 08/05/2025, Quách Thị T chuyển khoản cho Lê Thanh B thông qua tài khoản của người khác mang tên Triệu Văn T2 (là người quen của T), số tài khoản 866866866xxxx số tiền 20.000.000 đồng.

Như vậy, căn cứ kết quả điều tra xác định, trong thời từ ngày 21 tháng 3 năm 2025 đến ngày 19 tháng 5 năm 2025, Quách Thị T, Bùi Văn H1 đã chuyển khoản cho Lê Thanh B 24 lần với tổng số tiền là 541.000.000 đồng. Trong đó, số tiền Quách Thị T, Bùi Văn H1 chuyển khoản liên quan đến việc hoàn thiện các thủ tục dự án Trung tâm thương mại theo yêu cầu của Lê Thanh B là 357.000.000 đồng (*Quách Thị T chuyển 280.000.000 đồng; Bùi Văn H1 chuyển 77.000.000 đồng*), số tiền mà T và H1 chuyển khoản trước khi B làm các tài liệu giả là 237 triệu đồng, sau khi B làm các tài liệu giả là 120 triệu đồng. Sau khi nhận được số tiền này, Lê Thanh B không sử dụng vào công việc của Dự án 195 như đã trao đổi,

hứa hẹn mà sử dụng vào mục đích chi tiêu cá nhân, trả nợ và mua sắm hàng hoá cho Siêu thị mini của B. Số tiền còn lại, xác định là tiền mà Lê Thanh B vay mượn cá nhân của Quách Thị T, Bùi Văn H1 là 184.000.000 đồng (*Quách Thị T là 175.000.000 đồng; Bùi Văn H1 là 9.000.000 đồng*).

Quá trình điều tra vụ án, Lê Thanh B đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Quá trình điều tra vụ án, bị can đã tác động thân nhân tự nguyện khắc phục số tiền 357.100.000 đồng.

*** Kết quả trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết**

- Ngày 16/09/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSKT) Công an tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 13662/QĐ-CSKT gửi Phòng K1 Công an tỉnh Nghệ An, nội dung giám định chữ ký và con dấu.

- Ngày 30/9/2025, Phòng K1 Công an tỉnh Nghệ An ban hành Bản kết luận giám định số 123/KL-KTHS (Đ3-TL), kết luận như sau:

“1. Chữ ký mang tên Bùi Đình L1 dưới mục "TM.ỦY BAN NHÂN DÂN" trên bản "CHẤP NHẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ" ký hiệu A1 so với chữ ký của Bùi Đình L1 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 không phải do cùng một người ký ra.

2. Hình dấu tròn có nội dung "ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN" dưới mục "TM.ỦY BAN NHÂN DÂN" trên bản "CHẤP NHẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ" ký hiệu A1 so với hình dấu tròn có nội dung "ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN" trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

3. Chữ ký mang tên Nguyễn Văn H2 dưới mục "KT. GIÁM ĐỐC" trên "CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG" số: NA-00019673 ký hiệu A2 so với chữ ký của Nguyễn Văn H2 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M6 đến M12 không phải do cùng một người ký ra.

4. Hình dấu tròn có nội dung "SỞ XÂY DỰNG * TỈNH NGHỆ AN" dưới mục "KT. GIÁM ĐỐC" trên "CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG" số "NA-00019673" ký hiệu A2 so với hình dấu tròn có nội dung "SỞ XÂY DỰNG * TỈNH NGHỆ AN" trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M9 đến M13 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

5. Chữ ký mang tên Trần Mạnh H3 dưới mục "TM ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA ĐÀN" trên "GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT. QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT" mã số hiệu AA 00183251 ký hiệu A3 so với chữ ký của Trần Mạnh H3 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M14 đến M21 không phải do cùng một người ký ra.

6. Hình dấu tròn có nội dung "ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA ĐÀN T. NGHỆ AN" dưới mục "TM ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA ĐÀN" trên "GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU TÀI

SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT" mã số hiệu AA 00183251 ký hiệu A3 so với hình dấu tròn có nội dung "ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA ĐÀN T. NGHỆ AN" trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M17 đến M21 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

7. Phôi "GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT" mã số hiệu AA 0183251 ký hiệu A là giả.

8. Hình dấu tròn có nội dung "ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN" dưới mục "TM. ỦY BAN NHÂN DÂN" trên bản "CHẤP NHẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ" ký hiệu A1; hình dấu tròn có nội dung "SỞ XÂY DỰNG * TỈNH NGHỆ AN" dưới mục "KT. GIÁM ĐỐC" trên "CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG" số: NA-00019376 ký hiệu A2 và hình dấu tròn có nội dung "ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA ĐÀN T. NGHỆ AN" dưới mục "TM ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA ĐÀN" trên "GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT" mã số hiệu AA 00183251 ký hiệu A3 được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

9. Chữ ký mang tên Bùi Đình L1 dưới mục "TM. ỦY BAN NHÂN DÂN" trên bản "CHẤP NHẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ" ký hiệu A1 được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

- Chữ ký mang tên Nguyễn Văn H2 dưới mục "KT. GIÁM ĐỐC" trên "CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG" số: NA-00019673 ký hiệu A2 và chữ ký mang tên Trần Mạnh H3 dưới mục "TM ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA ĐÀN" trên "GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT. QUYỀN SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT" mã số hiệu AA 00183251 ký hiệu A3 là chữ ký trực tiếp.”.

- Ngày 08/12/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSKT) Công an tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 19175/QĐ-CSKT gửi Phòng K1 Công an tỉnh Nghệ An, nội dung giám định dữ liệu điện tử đối với 01 CPU và 01 Máy tính xách tay (Laptop) thu giữ của Lê Thanh B.

- Ngày 15/01/2026, Phòng K1 Công an tỉnh Nghệ An ban hành Bản kết luận giám định số 223/KL-KTHS (Đ3-KTSĐT) kết luận như sau:

1. Đối với Case máy tính nhãn hiệu SAMA, màu đen, bên trong có chứa 02 ổ cứng gồm: 01 (một) ổ cứng SSD nhãn hiệu PLEXTOR màu trắng, số seri: P02727104747, dung lượng 128GB; 01 (một) ổ cứng SSD nhãn hiệu Kingston màu đen, số seri: 50026B7381B731D2, dung lượng 480GB, tìm thấy từ ngày 01/03/2025 đến ngày 01/09/2025:

- Ổ cứng nhãn hiệu PLEXTOR:
- + 56 (năm mươi sáu) tệp Word.
- + 09 (chín) tệp Exel.

+ 149 (một trăm bốn mươi chín) tệp PDF.

+ 4034 (bốn nghìn không trăm ba mươi bốn) tệp hình ảnh.

+ Không khôi phục, trích xuất được dữ liệu danh bạ, cuộc gọi, tin nhắn các tài khoản, ứng dụng Facebook, Z, T7 do phần mềm thiết bị không đủ điều kiện để thực hiện.

- Ổ cứng nhãn hiệu Kingston:

+ 21 (hai mươi mốt) tệp Word.

+ 04 (bốn) tệp PDF.

+ 02 (hai) tệp hình ảnh.

+ Không khôi phục, trích xuất được dữ liệu danh bạ, cuộc gọi, tin nhắn các tài khoản, ứng dụng Facebook, Z, T7 do phần mềm thiết bị không đủ điều kiện để thực hiện.

2. Đối với máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS Vivobook, màu bạc, Model: A51E, tìm thấy từ ngày 01/03/2025 đến ngày 01/09/2025:

- 65 (sáu mươi lăm) tệp Word.

-17 (mười bảy) tệp Excel.

- 96 (chín mươi sáu) tệp PDF.

- 13755 (mười ba nghìn bảy trăm năm mươi lăm) tệp hình ảnh.

- Không khôi phục, trích xuất được dữ liệu danh bạ, cuộc gọi, tin nhắn các tài khoản, ứng dụng Facebook, Z, T7 do phần mềm thiết bị không đủ điều kiện để thực hiện.

*** Kết quả làm việc với các Cơ quan có liên quan**

Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh đã ban hành các Công văn gửi các cơ quan có thẩm quyền gồm: UBND tỉnh N; Sở Xây dựng; Sở T12; Trung tâm phục vụ hành chính công; UBND xã N; Thuế tỉnh N; UBND xã N (trước đây là UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An) để thu thập các thông tin, tài liệu liên quan dự án Trung tâm thương mại. Tuy nhiên, các đơn vị có thẩm quyền trả lời và khẳng định không ban hành, cấp các giấy tờ, tài liệu nêu trên. Dự án Trung tâm thương mại chỉ mới dừng lại ở nội dung xin đề xuất nghiên cứu, khảo sát và chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư hay thực hiện các thủ tục pháp lý khác.

- *Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:*

Quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan điều tra đã tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu có liên quan là:

+ 01 (Một) máy in màu đen, nhãn hiệu CANON G1010 đã qua sử dụng, kích thước 15cm x 40cm x 30cm, không kiểm tra chất lượng bên trong, được thu giữ trên bàn làm việc của Lê Thanh B trong phòng khách;

+ 01 (Một) CPU màu đen, nhãn hiệu SAMA đã qua sử dụng, kích thước 50cm x 20cm x 60cm, không kiểm tra chất lượng bên trong, thu giữ dưới bàn làm việc của Lê Thanh B tại phòng khách.

+ 01 (Một) máy tính xách tay màu bạc, nhãn hiệu ASUS Vivobook đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong do bị can tự nguyện giao nộp.

Các tài sản trên hiện đang được bảo quản tại Kho vật chứng của Công an tỉnh Nghệ An chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

+ Các tài liệu thu giữ trong tủ sắt đặt tại phòng khách được bỏ vào 01 (Một) thùng cattong màu xanh, kích thước (20 x 30 x20)cm, trong đó gồm:

- 01 (một) Văn bản chấp nhận chủ trương đầu tư số 195/QĐ-CTCT đề ngày 20/4/2025 (bản photo);

- 01 (một) Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số NA-00019673, có chữ ký mang tên Nguyễn Văn H2, Phó giám đốc Sở Xây dựng và có hình dấu mực màu đỏ mang tên Sở xây dựng tỉnh N (Bản gốc);

- 01 (một) Văn bản chấp nhận chủ trương đầu tư không đề số, không đề ngày tháng, đề năm 2025, có chữ ký mang tên Bùi Đình L1, Phó chủ tịch UBND tỉnh N và có hình dấu mực màu đỏ mang tên UBND tỉnh N;

- 01 (một) Giấy chứng nhận thẩm duyệt phòng cháy, chữa cháy đề ngày 10/04/2025, có chữ ký mang tên Thượng tá Nguyễn Thiện T4, Phó trưởng phòng Cảnh sát PCCC tỉnh Nghệ An và hình dấu màu đen mang tên Bộ Công an/Công an tỉnh Nghệ An (bản photo);

- 01 (một) Danh mục tài liệu bản vẽ đã được thẩm duyệt về PCCC;

- 01 (một) Giấy phép xây dựng số 382/GPXD đề ngày 20/03/2025, có chữ ký mang tên Nguyễn Văn H2, Phó giám đốc Sở Xây dựng và có hình dấu mực màu đen mang tên Sở Xây dựng tỉnh N và 01 (một) văn bản nội dung liên quan giấy phép xây dựng (bản photo);

- 01 (một) Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 00183251 đối với thửa đất số 21, diện tích 39.849,10 m² tại Thôn Y, xã N, tỉnh Nghệ An do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 20 tháng 4 năm 2025.

- 03 (ba) Hợp đồng hợp tác số 140525/HĐHT-TCXL/195-SH giữa Công ty TNHH T11 và Công ty TNHH X1, có chữ ký mang tên Bùi Văn H1 (giám đốc Công ty TNHH X1, đại diện bên nhận thầu) và có đóng dấu đỏ mang tên Công ty TNHH X1; có chữ ký mang tên Lê Thanh B (Giám đốc Công ty TNHH T11) và có đóng dấu đỏ mang tên Công ty TNHH T11. Mỗi hợp đồng gồm 08 tờ, được đánh số thứ tự từ 01 đến 08;

- 01 (một) Công văn về việc xem xét kiến nghị đề xuất của doanh nghiệp số 9932/UBND-CN đề ngày 11/11/2024, có chữ ký mang tên Đặng Thanh T8, Chánh Văn phòng UBND tỉnh N và có hình dấu màu đen mang tên UBND tỉnh N;

- 02 (hai) Công văn về việc xem xét kiến nghị đề xuất của doanh nghiệp số 9932/UBND-CN đề ngày 11/11/2024, có chữ ký mang tên Đặng Thanh T8, Chánh Văn phòng UBND tỉnh N và có hình dấu màu đỏ mang tên UBND tỉnh N;

- 01 (một) Hợp đồng nguyên tắc số 05/HĐNT-VH-SH-24 đề ngày 28/05/2024, có chữ ký mang tên Đinh Hoài V (giám đốc Công ty TNHH X2, Đại diện bên A) và hình dấu màu đỏ mang tên Công ty TNHH X2; có chữ ký mang tên Bùi Văn H1 (Giám đốc Công ty TNHH X1, đại diện bên B) và hình dấu màu đỏ mang tên Công ty TNHH X1, gồm 02 tờ, được đánh số thứ tự từ 01 đến 02;

- 02 (hai) Tờ trình số 28/TT/2025 đề ngày 14/01/2025 của Công ty TNHH T11 về xin chủ trương cấp đất để đầu tư xây dựng dự án Trung tâm Thương mại A1, có chữ ký mang tên Lê Thanh B (Giám đốc) và hình dấu mang tên Công ty TNHH T11. Mỗi tờ trình gồm 02 tờ, được đánh số thứ tự từ 01 đến 02;

- 02 (hai) Tờ trình số 27/TT/2025 đề ngày 14/01/2025 của Công ty TNHH T11 về xin chủ trương cấp đất để đầu tư xây dựng dự án Trung tâm Thương mại A1, có chữ ký mang tên Lê Thanh B (Giám đốc) và hình dấu mang tên Công ty TNHH T11. Mỗi tờ trình gồm 02 tờ, được đánh số thứ tự từ 01 đến 02;

- 01 (một) Bản sao công chứng CCCD mang tên Lê Thanh B;

- 01 (một) bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên X, mã số doanh nghiệp: 2902195xxx;

- 02 (hai) quyển sổ màu xanh, đề tên Dự án xây dựng Trung tâm thương mại K2, Chủ dự án: Công ty TNHH T11. Mỗi quyển sổ gồm 12 tờ, được đánh số thứ tự từ 01 đến 12;

- 01 (một) quyển sổ màu xanh, đề tên Hồ sơ pháp lý của Công ty TNHH T11, gồm 20 tờ, được đánh số thứ tự từ 01 đến 20.

+ Các tài liệu thu giữ trên bàn làm việc của Lê Thanh B đặt tại phòng khách được bỏ vào 01 (Một) hộp đựng hồ sơ màu xanh, kích thước (20x05x30)cm, trong đó gồm:

- 40 (bốn mươi) tờ khổ A3, Bản vẽ Công trình Trung tâm thương mại A1.

Các giấy tờ/tài liệu nêu trên được bỏ trong hồ sơ vụ án phục vụ công tác truy tố, xét xử.

- Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bị hại chị Quách Thị T thừa nhận trong thời gian từ ngày 21/3/2025 đến ngày 19/5/2025 Lê Thanh B đã đưa ra thông tin gian dối, dùng tài liệu giả về Dự án Trung tâm thương mại K tại xã N và Trung tâm thương mại tại xã N, tỉnh Nghệ An để lừa chị T và anh H1 nhằm chiếm đoạt của chị T số tiền 280.000.000 đồng và chiếm đoạt của anh H1 (bạn chị T) số tiền 77.000.000 đồng. Đồng thời cũng trong thời gian này do quen biết nhau nên B có hỏi vay mượn cá nhân chị T số tiền 175.000.000 đồng. Nay chị T yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã

chiếm đoạt là 280.000.000 đồng và yêu cầu bị cáo trả số tiền vay cá nhân là 175.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, anh Bùi Văn H1 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã chiếm đoạt là 77.000.000 đồng và số tiền vay mượn cá nhân là 9.000.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Thanh B đồng ý bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho chị T và anh H1 là 357.000.000 đồng. B đã tác động gia đình nộp vào tài khoản tạm giữ của Sở T số tiền 357.100.000 đồng để bồi thường cho bị hại. Đồng thời bị cáo cũng đồng ý trả số tiền vay 175.000.000 đồng theo yêu cầu của chị T và đồng ý trả số tiền vay 9.000.000 đồng theo yêu cầu của anh H1.

Tại bản Cáo trạng số 62/CT-VKSNA-P3 ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An truy tố Lê Thanh B về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 và “Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An giữ nguyên nội dung truy tố Lê Thanh B về tội danh “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và hành vi “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và bổ sung nội dung truy tố về hành vi sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo tội danh “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An giữ nguyên nội dung truy tố Lê Thanh B về tội danh “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và hành vi “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và bổ sung nội dung truy tố về hành vi sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo tội danh “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

* Đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Thanh B mức án tù 06 (S) năm tù đến 06 (Sáu) năm 06 (S) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

+ Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); điểm s khoản 1 và khoản 2 điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Thanh B mức án tù 02 (Hai) năm tù đến 02 (Hai) năm 06 (S) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là: từ 08 (tám) năm tù đến 09 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 11/9/2025. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại chị Quách Thị T số tiền 280.000.000 đồng và ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc đồng ý trả số tiền vay cá nhân chị Quách Thị T 175.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại anh Bùi Văn H1 số tiền 77.000.000 đồng và ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc đồng ý trả số tiền vay cá nhân của anh Bùi Văn H1 9.000.000 đồng.

* Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung quỹ nhà nước các vật chứng sau:

+ 01 (Một) máy in màu đen, nhãn hiệu CANON G1010 đã qua sử dụng, kích thước 15cm x 40cm x 30cm, không kiểm tra chất lượng bên trong, được thu giữ trên bàn làm việc của Lê Thanh B trong phòng khách;

+ 01 (Một) CPU màu đen, nhãn hiệu SAMA đã qua sử dụng, kích thước 50cm x 20cm x 60cm, không kiểm tra chất lượng bên trong, thu giữ dưới bàn làm việc của Lê Thanh B tại phòng khách.

+ 01 (Một) máy tính xách tay màu bạc, nhãn hiệu ASUS Vivobook đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong do bị can tự nguyện giao nộp.

Các tài sản trên hiện đang được bảo quản tại Kho vật chứng của Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 23/4/2026.

- Lưu hồ sơ vụ án các vật chứng sau:

Các tài liệu thu giữ trong tủ sắt đặt tại phòng khách được bỏ vào 01 (Một) thùng catton màu xanh, kích thước (20 x 30 x 20)cm, trong đó gồm:

+ 01 (một) Văn bản chấp nhận chủ trương đầu tư số 195/QĐ-CTCT đề ngày 20/4/2025 (bản photo);

+ 01 (một) Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số NA-00019673, có chữ ký mang tên Nguyễn Văn H2, Phó giám đốc Sở Xây dựng và có hình dấu mực màu đỏ mang tên Sở xây dựng tỉnh N (Bản gốc);

+ 01 (một) Văn bản chấp nhận chủ trương đầu tư không đề số, không đề ngày tháng, đề năm 2025, có chữ ký mang tên Bùi Đình L1, Phó chủ tịch UBND tỉnh N và có hình dấu mực màu đỏ mang tên UBND tỉnh N;

+ 01 (một) Giấy chứng nhận thẩm duyệt phòng cháy, chữa cháy đề ngày 10/04/2025, có chữ ký mang tên Thượng tá Nguyễn Thiện T4, Phó trưởng phòng Cảnh sát PCCC tỉnh Nghệ An và hình dấu màu đen mang tên Bộ Công an/Công an tỉnh Nghệ An (bản photo);

+ 01 (một) Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 00183251 đối với thửa đất số 21, diện tích 39.849,10 m² tại Thôn Y, xã N, tỉnh Nghệ An do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 20 tháng 4 năm 2025;

+ 01 (một) Danh mục tài liệu bản vẽ đã được thẩm duyệt về PCCC;

+ 01 (một) Giấy phép xây dựng số 382/GPXD đề ngày 20/03/2025, có chữ ký mang tên Nguyễn Văn H2, Phó giám đốc Sở Xây dựng và có hình dấu mực màu đen mang tên Sở Xây dựng tỉnh N và 01 (một) văn bản nội dung liên quan giấy phép xây dựng (bản photo);

+ 03 (ba) Hợp đồng hợp tác số 140525/HĐHT-TCXL/195-SH giữa Công ty TNHH T11 và Công ty TNHH X1, có chữ ký mang tên Bùi Văn H1 (giám đốc Công ty TNHH X1, đại diện bên nhận thầu) và có đóng dấu đỏ mang tên Công ty TNHH X1; có chữ ký mang tên Lê Thanh B (Giám đốc Công ty TNHH T11) và có đóng dấu đỏ mang tên Công ty TNHH T11. Mỗi hợp đồng gồm 08 tờ, được đánh số thứ tự từ 01 đến 08;

+ 01 (một) Công văn về việc xem xét kiến nghị đề xuất của doanh nghiệp số 9932/UBND-CN đề ngày 11/11/2024, có chữ ký mang tên Đặng Thanh T8, Chánh Văn phòng UBND tỉnh N và có hình dấu màu đen mang tên UBND tỉnh N;

+ 02 (hai) Công văn về việc xem xét kiến nghị đề xuất của doanh nghiệp số 9932/UBND-CN đề ngày 11/11/2024, có chữ ký mang tên Đặng Thanh T8, Chánh Văn phòng UBND tỉnh N và có hình dấu màu đỏ mang tên UBND tỉnh N;

+ 01 (một) Hợp đồng nguyên tắc số 05/HĐNT-VH-SH-24 đề ngày 28/05/2024, có chữ ký mang tên Đinh Hoài V (giám đốc Công ty TNHH X2, Đại diện bên A) và hình dấu màu đỏ mang tên Công ty TNHH X2; có chữ ký mang tên Bùi Văn H1 (Giám đốc Công ty TNHH X1, đại diện bên B) và hình dấu màu đỏ mang tên Công ty TNHH X1, gồm 02 tờ, được đánh số thứ tự từ 01 đến 02;

+ 02 (hai) Tờ trình số 28/TT/2025 đề ngày 14/01/2025 của Công ty TNHH T11 về xin chủ trương cấp đất để đầu tư xây dựng dự án Trung tâm Thương mại A1, có chữ ký mang tên Lê Thanh B (Giám đốc) và hình dấu mang tên Công ty TNHH T11. Mỗi tờ trình gồm 02 tờ, được đánh số thứ tự từ 01 đến 02;

+ 02 (hai) Tờ trình số 27/TT/2025 đề ngày 14/01/2025 của Công ty TNHH T11 về xin chủ trương cấp đất để đầu tư xây dựng dự án Trung tâm Thương mại A1, có chữ ký mang tên Lê Thanh B (Giám đốc) và hình dấu mang tên Công ty TNHH T11. Mỗi tờ trình gồm 02 tờ, được đánh số thứ tự từ 01 đến 02;

+ 01 (một) Bản sao công chứng CCCD mang tên Lê Thanh B;

+ 01 (một) bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên X, mã số doanh nghiệp: 2902195xxx;

+ 02 (hai) quyền sở màu xanh, đề tên Dự án xây dựng Trung tâm thương mại K2, Chủ dự án: Công ty TNHH T11. Mỗi quyền số gồm 12 tờ, được đánh số thứ tự từ 01 đến 12;

+ 01 (một) quyền sở màu xanh, đề tên Hồ sơ pháp lý của Công ty TNHH T11, gồm 20 tờ, được đánh số thứ tự từ 01 đến 20;

- Các tài liệu thu giữ trên bàn làm việc của Lê Thanh B đặt tại phòng khách được bỏ vào 01 (Một) hộp đựng hồ sơ màu xanh, kích thước (20x05x30)cm, trong đó gồm:

+ 40 (bốn mươi) tờ khổ A3, Bản vẽ Công trình Trung tâm thương mại A1.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Tại phiên tòa hôm nay những người tham gia tố tụng không ai khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp lệ và đúng quy định của pháp luật.

[1.2]. Tại phiên tòa vắng mặt người bị hại anh Bùi Văn H1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Mỹ L, chị Nguyễn Thị B1 và anh Trần Cao T1. Tuy nhiên đây là phiên tòa mở lần thứ hai, những người này đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, quá trình điều tra đã có đầy đủ lời khai của người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo Lê Thanh B thừa nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để kết luận:

Trong thời gian từ ngày 21/3/2025 đến ngày 22/4/2025, Lê Thanh B là Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn T11; Do cần tiền để chi tiêu cá nhân, trả nợ B đã có hành vi đưa ra các thông tin không có thật có liên quan đến Dự án Trung tâm thương mại K tại xã N và Trung tâm thương mại tại xã N, tỉnh Nghệ An để tạo niềm tin đối với chị Quách Thị T và anh Bùi Văn H1 để các bị hại chuyển khoản cho B nhiều lần với tổng số tiền là 237.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi bảy triệu đồng).

Sau khi chuyển tiền cho Lê Thanh B, do các bị hại yêu cầu B phải gửi các giấy tờ và tài liệu có liên quan đến Dự án để yên tâm góp vốn; Để tạo lòng tin, B

đã nảy sinh ý định và tiến hành làm giả 05 (năm) tài liệu gồm: Giấy chứng nhận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh N; Giấy phép xây dựng số 382/GPXD đề ngày 20/3/2025 của Sở Xây dựng tỉnh N và Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy của Công an tỉnh Nghệ An; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đề ngày 20/4/2025 của UBND huyện N và Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số NA-00019673 đề ngày 25/4/2025 của Công ty TNHH MTV X. Làm các tài liệu xong, B chụp ảnh và gửi qua ứng dụng mạng xã hội Zalo cho chị T và anh H1, B đã đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị T và tiếp tục yêu cầu chị Quách Thị T chuyển khoản nhiều lần với tổng số tiền là 120.000.000 đồng (ngày 29/4/2025: 30 triệu đồng; ngày 30/4/2025: 20 triệu đồng; ngày 19/5/2025: 70 triệu đồng).

Thông qua hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức, sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức”, Lê Thanh B đã chiếm đoạt của chị Quách Thị T và anh Bùi Văn H1 tổng số tiền là 357.000.000 đồng. Trong đó, chiếm đoạt của chị T số tiền 280.000.000 đồng; chiếm đoạt của anh Bùi Văn H1 số tiền 77.000.000 đồng (bảy mươi bảy triệu đồng).

Như vậy, Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức, sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025). Cáo trạng và Luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét về tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng:

Hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất rất nghiêm trọng, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin sai sự thật để tạo lòng tin của người bị hại nhằm chiếm đoạt tài sản của người bị hại, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu tài sản của cá nhân, tổ chức là trái pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Hành vi này của bị cáo còn gây mất trật tự, trị an tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Để thực hiện hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản bị cáo đã thuê người làm giả giấy tài liệu của cơ quan nhà nước sau đó sử dụng tài liệu giả này để lừa người bị hại nhằm chiếm đoạt tài sản, làm ảnh hưởng quyền lợi của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, xâm hại đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trên lĩnh vực quản lý hành chính cơ quan nhà nước về con dấu, giấy tờ của cơ quan nhà nước. Bị cáo có nhân thân xấu, từng bị xét xử về tội ‘Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức’ nhưng không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân nay lại tiếp tục thực hành vi phạm tội này thể hiện ý thức pháp luật kém. Do đó, cần xử lý nghiêm

tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhiều lần nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Lê Thanh B đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú; bị cáo đã tác động thân nhân nộp lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho người bị hại vào tài khoản tạm giữ của Sở T nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại; Gia đình bị cáo có công cách mạng có ông nội Lê Doãn C được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS đối với tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức, sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức” để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” áp dụng Điều 54 BLHS để cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là từ 06 (sáu) năm đến 06 (sáu năm) 06 (sáu) tháng tù và đề nghị mức hình phạt từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù đối với tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức, sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan tổ chức” là chưa phù hợp. Bị cáo có nhân thân xấu, từng bị xét xử về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” bị cáo phạm tội nhiều lần nên Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo để lên mức án phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo hoàn cảnh khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa người bị hại chị Quách Thị T yêu cầu bị cáo phải bồi thường số 280.000.000 đồng và trả số tiền vay cá nhân 175.000.000 đồng.

Quá trình điều tra người bị hại anh Bùi Văn H1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường số 77.000.000 đồng và trả số tiền vay cá nhân 9.000.000 đồng.

Bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại toàn bộ số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của chị T, anh H1 là 357.000.000 đồng, bị cáo đã nộp số tiền 357.100.000 đồng vào tài khoản tạm giữ Sở tài chính để trả số tiền bồi thường cho các bị hại. Đối với số

tiền vay mà bị hại yêu cầu bị cáo đồng ý trả cho chị T 175.000.000 đồng và anh H1 9.000.000 đồng.

Vì vậy cần giao cho chị Quách Thị T số tiền 280.100.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu một trăm nghìn đồng) là số tiền bị cáo tự nguyện nộp gồm 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) theo Giấy nộp tiền số 210126.0024.000030 ngày 21/1/2026; 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) theo Giấy nộp tiền số 050126.0024.000096 ngày 05/1/2026; 27.100.000 đồng (Hai mươi bảy triệu một trăm nghìn đồng) theo Giấy nộp tiền số 230426.0024.000005 ngày 23/4/2026 và 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng) trong số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo Giấy nộp tiền số 270226.0011.000274 ngày 27/2/2026 mà chị Nguyễn Thị Quỳnh N (vợ của bị cáo Lê Thanh B) nộp vào Tài khoản tạm giữ Sở T tại Ngân hàng TMCP N1 - Chi nhánh V1. Số tiền còn lại bị cáo phải bồi thường và trả cho chị T là: 174.900.000 đồng.

Cần giao cho anh Bùi Văn H1 số tiền 77.000.000 đồng là số tiền bị cáo tự nguyện nộp gồm số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) theo Giấy nộp tiền số 020226.0024.000005 ngày 02/2/2026 và 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) trong số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo Giấy nộp tiền số 270226.0011.000274 ngày 27/2/2026 mà chị Nguyễn Thị Quỳnh N (vợ của bị cáo Lê Thanh B) nộp vào Tài khoản tạm giữ Sở T tại Ngân hàng TMCP N1 - Chi nhánh V1. Số tiền còn lại bị cáo phải bồi thường và trả cho anh Bùi Văn H1 là 9.000.000 đồng.

[4] Về vật chứng :

* Tịch thu sung quỹ nhà nước các vật chứng sau:

- 01 (Một) máy in màu đen, nhãn hiệu CANON G1010 đã qua sử dụng, kích thước 15cm x 40cm x 30cm, không kiểm tra chất lượng bên trong, được thu giữ trên bàn làm việc của Lê Thanh B trong phòng khách;

- 01 (Một) CPU màu đen, nhãn hiệu SAMA đã qua sử dụng, kích thước 50cm x 20cm x 60cm, không kiểm tra chất lượng bên trong, thu giữ dưới bàn làm việc của Lê Thanh B tại phòng khách.

- 01 (Một) máy tính xách tay màu bạc, nhãn hiệu ASUS Vivobook đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong do bị can tự nguyện giao nộp.

* Lưu hồ sơ vụ án các vật chứng sau:

- 01 (một) Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 00183251 đối với thửa đất số 21, diện tích 39.849,10 m² tại Thôn Y, xã N, tỉnh Nghệ An do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 20 tháng 4 năm 2025;

- 01 (một) Văn bản chấp nhận chủ trương đầu tư số 195/QĐ-CTCT đề ngày 20/4/2025 (bản photo);

- 01 (một) Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số NA-00019673, có chữ ký mang tên Nguyễn Văn H2, Phó giám đốc Sở Xây dựng và có hình dấu mực màu đỏ mang tên Sở xây dựng tỉnh N (Bản gốc);

- 01 (một) Văn bản chấp nhận chủ trương đầu tư không đề số, không đề ngày tháng, đề năm 2025, có chữ ký mang tên Bùi Đình L1, Phó chủ tịch UBND tỉnh N và có hình dấu mực màu đỏ mang tên UBND tỉnh N;

- 01 (một) Giấy chứng nhận thẩm duyệt phòng cháy, chữa cháy đề ngày 10/04/2025, có chữ ký mang tên Thượng tá Nguyễn Thiện T4, Phó trưởng phòng Cảnh sát PCCC tỉnh Nghệ An và hình dấu màu đen mang tên Bộ Công an/Công an tỉnh Nghệ An (bản photo);

- 01 (một) Danh mục tài liệu bản vẽ đã được thẩm duyệt về PCCC;

- 01 (một) Giấy phép xây dựng số 382/GPXD đề ngày 20/03/2025, có chữ ký mang tên Nguyễn Văn H2, Phó giám đốc Sở Xây dựng và có hình dấu mực màu đen mang tên Sở Xây dựng tỉnh N và 01 (một) văn bản nội dung liên quan giấy phép xây dựng (bản photo);

- 03 (ba) Hợp đồng hợp tác số 140525/HĐHT-TCXL/195-SH giữa Công ty TNHH T11 và Công ty TNHH X1, có chữ ký mang tên Bùi Văn H1 (giám đốc Công ty TNHH X1, đại diện bên nhận thầu) và có đóng dấu đỏ mang tên Công ty TNHH X1; có chữ ký mang tên Lê Thanh B (Giám đốc Công ty TNHH T11) và có đóng dấu đỏ mang tên Công ty TNHH T11. Mỗi hợp đồng gồm 08 tờ, được đánh số thứ tự từ 01 đến 08;

- 01 (một) Công văn về việc xem xét kiến nghị đề xuất của doanh nghiệp số 9932/UBND-CN đề ngày 11/11/2024, có chữ ký mang tên Đặng Thanh T8, Chánh Văn phòng UBND tỉnh N và có hình dấu màu đen mang tên UBND tỉnh N;

- 02 (hai) Công văn về việc xem xét kiến nghị đề xuất của doanh nghiệp số 9932/UBND-CN đề ngày 11/11/2024, có chữ ký mang tên Đặng Thanh T8, Chánh Văn phòng UBND tỉnh N và có hình dấu màu đỏ mang tên UBND tỉnh N;

- 01 (một) Hợp đồng nguyên tắc số 05/HĐNT-VH-SH-24 đề ngày 28/05/2024, có chữ ký mang tên Đinh Hoài V (giám đốc Công ty TNHH X2, Đại diện bên A) và hình dấu màu đỏ mang tên Công ty TNHH X2; có chữ ký mang tên Bùi Văn H1 (Giám đốc Công ty TNHH X1, đại diện bên B) và hình dấu màu đỏ mang tên Công ty TNHH X1, gồm 02 tờ, được đánh số thứ tự từ 01 đến 02;

- 02 (hai) Tờ trình số 28/TT/2025 đề ngày 14/01/2025 của Công ty TNHH T11 về xin chủ trương cấp đất để đầu tư xây dựng dự án Trung tâm Thương mại A1, có chữ ký mang tên Lê Thanh B (Giám đốc) và hình dấu mang tên Công ty TNHH T11. Mỗi tờ trình gồm 02 tờ, được đánh số thứ tự từ 01 đến 02;

- 02 (hai) Tờ trình số 27/TT/2025 đề ngày 14/01/2025 của Công ty TNHH T11 về xin chủ trương cấp đất để đầu tư xây dựng dự án Trung tâm Thương mại

A1, có chữ ký mang tên Lê Thanh B (Giám đốc) và hình dấu mang tên Công ty TNHH T11. Mỗi tờ trình gồm 02 tờ, được đánh số thứ tự từ 01 đến 02;

- 01 (một) Bản sao công chứng CCCD mang tên Lê Thanh B;

- 01 (một) bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên X, mã số doanh nghiệp: 2902195xxx;

- 02 (hai) quyền sở hữu màu xanh, đề tên Dự án xây dựng Trung tâm thương mại K2, Chủ dự án: Công ty TNHH T11. Mỗi quyền sở hữu gồm 12 tờ, được đánh số thứ tự từ 01 đến 12;

- 01 (một) quyền sở hữu màu xanh, đề tên Hồ sơ pháp lý của Công ty TNHH T11, gồm 20 tờ, được đánh số thứ tự từ 01 đến 20;

- 40 (bốn mươi) tờ khổ A3, Bản vẽ Công trình Trung tâm thương mại A1.

[5]. Trong vụ án này còn có:

Đối với những người Lê Thanh B liên hệ làm giả giấy tờ, tài liệu:

Quá trình điều tra vụ án xác định: Quá trình Lê Thanh B làm tài liệu, giấy tờ giả đã thông qua mạng xã hội Facebook, Z, T9 để liên hệ làm giả giấy tờ, tài liệu nhưng sau đó Lê Thanh B đã xóa hết những tin nhắn liên hệ, các số sim Lê Thanh B sử dụng để liên lạc với người làm giả giấy tờ, tài liệu B đã không còn sử dụng mà vứt bỏ. Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSKT) Công an tỉnh Nghệ An đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định phục hồi dữ liệu liên quan các phương tiện (Điện thoại, L2) mà Lê Thanh B sử dụng để liên hệ, nhắn tin, trao đổi với những người làm giả các giấy tờ, tài liệu nhưng kết quả không phục hồi được các dữ liệu liên quan các trang mạng xã hội. Do đó, không có đủ căn cứ để điều tra, xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể của những đối tượng này.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án

- Nguyễn Mỹ L (sinh năm 1993, trú tại: Nhà số D, ngõ S đường Đ, phường T, tỉnh Nghệ An)

Quá trình điều tra vụ án xác định: Nguyễn Mỹ L và Lê Thanh B có mối quan hệ quen biết với nhau (L làm việc cùng với vợ của B) và L cùng thuê trọ tại địa chỉ Nhà số D, ngõ S đường Đ, phường T, tỉnh Nghệ An với gia đình B. Trong quá trình quen biết với nhau, Nguyễn Mỹ L đã nhờ Lê Thanh B giúp xin việc tại địa bàn thành phố V (cũ), tỉnh Nghệ An đồng thời Nguyễn Mỹ L đã đưa cho Lê Thanh B tổng số tiền 280.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó Lê Thanh B không giúp được L nên Lê Thanh B nhiều lần đã chuyển khoản, trả tiền mặt cho Nguyễn Mỹ L tổng số tiền là 280.000.000 đồng. Giữa Nguyễn Mỹ L và B không có sự trao đổi, bàn bạc hay thỏa thuận gì liên quan đến hành vi phạm tội của B. Do đó, không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Mỹ L với vai trò đồng phạm cùng với Lê Thanh B về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Nguyễn Thị O (sinh năm 1988, trú tại xóm Đ, xã H, tỉnh Nghệ An) trước đây là xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An

Quá trình điều tra vụ án xác định: Nguyễn Thị O và Lê Thanh B quen biết với nhau thời điểm khoảng năm 2022, thời điểm này O và B biết nhau thông qua việc môi giới bán đất tại địa bàn huyện N (cũ), tỉnh Nghệ An. Trong quá trình quen biết, Nguyễn Thị O nhờ Lê Thanh B thực hiện một số nội dung liên quan việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho một số thửa đất và B đã nhận đặt cọc từ O số tiền 46.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó Lê Thanh B không thực hiện được nội dung theo thoả thuận cho nên Lê Thanh B đã hoàn trả lại cho Nguyễn Thị O, quá trình trả nợ thì O chỉ nghe B nói lấy tiền của một số người quen ở Ninh Bình để trả cho O.

Nguyễn Thị O chỉ thực hiện việc liên hệ với Lê Thanh B để nhờ việc theo thoả thuận giữa B và O, nhưng sau đó B không thực hiện được nên đã hoàn trả lại toàn bộ số tiền do Nguyễn Thị O chuyển cho B. Giữa Nguyễn Thị O và B không có sự trao đổi, bàn bạc hay thoả thuận gì liên quan đến hành vi phạm tội của B. Do đó, không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thị O với vai trò đồng phạm cùng với Lê Thanh B về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Nguyễn Thị B1 (sinh năm 1999, trú tại: Xóm A, xã N, tỉnh Nghệ An) trước đây là Xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An

Quá trình điều tra vụ án xác định: Nguyễn Thị B1 quen biết Lê Thanh B thông qua Nguyễn Thị O (có nhân thân, lai lịch nêu trên). Sau đó, B1 trực tiếp với Lê Thanh B nhờ B giúp đỡ một số thủ tục trong việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình mình và đặt cọc số tiền 30.000.000 đồng cho Lê Thanh B. Tuy nhiên, sau đó Lê Thanh B không thực hiện được nội dung theo thoả thuận nên đã trả lại toàn bộ số tiền cho Nguyễn Thị B1. Giữa Nguyễn Thị B1 và B không có sự trao đổi, bàn bạc hay thoả thuận gì liên quan đến hành vi phạm tội của B. Do đó, không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thị B1 với vai trò đồng phạm cùng với Lê Thanh B về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Trần Cao T1 (sinh năm 1984, trú tại: Khối B, phường T, tỉnh Nghệ An)

Quá trình điều tra vụ án xác định: Trần Cao T1 là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV X, mã số thuế 2902153946, ngành nghề kinh doanh chính là xây dựng công trình đường bộ, địa chỉ: Nhà số A, ngõ S đường T, phường T, tỉnh Nghệ An (trước đây là khối A, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An). Liên quan đến tài liệu giả là “*Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số NA-00019673*” đề ngày 25/04/2025 có thông tin của Trần Cao T1, tuy nhiên quá trình làm việc với Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSKT) Công an tỉnh Nghệ An, Trần Cao T1 cho biết không có mối quan hệ quen biết với B, không biết việc B sử dụng thông tin của mình để thực hiện làm giả tài liệu là Chứng chỉ trên. Trên thực tế, Công ty của Trần Cao T1 chưa được Sở X cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng. Giữa Trần Cao T1 và B không có sự trao đổi, bàn bạc hay thoả thuận gì liên quan đến hành vi phạm tội của B. Do đó, không có căn cứ để xử lý trách nhiệm hình sự đối với Trần Cao T1 với vai trò đồng phạm cùng với Lê Thanh B về tội

“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” hoặc “Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”

[6]. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền mà bị cáo có nghĩa vụ bồi thường dân sự, trả cho bị hại theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Thanh B 07 (B4) năm tù về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2025); điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Thanh B 03 (Ba) năm tù về “Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành là: 10 (M) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 11 tháng 9 năm 2025.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106, Điều 107 Bộ luật tố tụng Hình sự:

* Tịch thu sung quỹ nhà nước các vật chứng sau:

- 01 (Một) máy in màu đen, nhãn hiệu CANON G1010 đã qua sử dụng, kích thước 15cm x 40cm x 30cm, không kiểm tra chất lượng bên trong, được thu giữ trên bàn làm việc của Lê Thanh B trong phòng khách;

- 01 (Một) CPU màu đen, nhãn hiệu SAMA đã qua sử dụng, kích thước 50cm x 20cm x 60cm, không kiểm tra chất lượng bên trong, thu giữ dưới bàn làm việc của Lê Thanh B tại phòng khách.

- 01 (Một) máy tính xách tay màu bạc, nhãn hiệu ASUS Vivobook đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong do bị can tự nguyện giao nộp.

(Các vật chứng trên hiện đang được bảo quản tại Kho vật chứng của Thi hành án Dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu chứng cứ ngày 23 tháng 4 năm 2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An và Thi hành án Dân sự tỉnh Nghệ An).

* Lưu hồ sơ vụ án các vật chứng sau:

- 01 (một) Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 00183251 đối với thửa đất số 21, diện tích 39.849,10 m² tại Thôn Y, xã N, tỉnh Nghệ An do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 20 tháng 4 năm 2025;

- 01 (một) Văn bản chấp nhận chủ trương đầu tư số 195/QĐ-CTCT đề ngày 20/4/2025 (bản photo);
- 01 (một) Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số NA-00019673, có chữ ký mang tên Nguyễn Văn H2, Phó giám đốc Sở Xây dựng và có hình dấu mực màu đỏ mang tên Sở xây dựng tỉnh N (Bản gốc);
- 01 (một) Văn bản chấp nhận chủ trương đầu tư không đề số, không đề ngày tháng, đề năm 2025, có chữ ký mang tên Bùi Đình L1, Phó chủ tịch UBND tỉnh N và có hình dấu mực màu đỏ mang tên UBND tỉnh N;
- 01 (một) Giấy chứng nhận thẩm duyệt phòng cháy, chữa cháy đề ngày 10/04/2025, có chữ ký mang tên Thượng tá Nguyễn Thiện T4, Phó trưởng phòng Cảnh sát PCCC tỉnh Nghệ An và hình dấu màu đen mang tên Bộ Công an/Công an tỉnh Nghệ An (bản photo);
- 01 (một) Danh mục tài liệu bản vẽ đã được thẩm duyệt về PCCC;
- 01 (một) Giấy phép xây dựng số 382/GPXD đề ngày 20/03/2025, có chữ ký mang tên Nguyễn Văn H2, Phó giám đốc Sở Xây dựng và có hình dấu mực màu đen mang tên Sở Xây dựng tỉnh N và 01 (một) văn bản nội dung liên quan giấy phép xây dựng (bản photo);
- 03 (ba) Hợp đồng hợp tác số 140525/HĐHT-TCXL/195-SH giữa Công ty TNHH T11 và Công ty TNHH X1, có chữ ký mang tên Bùi Văn H1 (giám đốc Công ty TNHH X1, đại diện bên nhận thầu) và có đóng dấu đỏ mang tên Công ty TNHH X1; có chữ ký mang tên Lê Thanh B (Giám đốc Công ty TNHH T11) và có đóng dấu đỏ mang tên Công ty TNHH T11. Mỗi hợp đồng gồm 08 tờ, được đánh số thứ tự từ 01 đến 08;
- 01 (một) Công văn về việc xem xét kiến nghị đề xuất của doanh nghiệp số 9932/UBND-CN đề ngày 11/11/2024, có chữ ký mang tên Đặng Thanh T8, Chánh Văn phòng UBND tỉnh N và có hình dấu màu đen mang tên UBND tỉnh N;
- 02 (hai) Công văn về việc xem xét kiến nghị đề xuất của doanh nghiệp số 9932/UBND-CN đề ngày 11/11/2024, có chữ ký mang tên Đặng Thanh T8, Chánh Văn phòng UBND tỉnh N và có hình dấu màu đỏ mang tên UBND tỉnh N;
- 01 (một) Hợp đồng nguyên tắc số 05/HĐNT-VH-SH-24 đề ngày 28/05/2024, có chữ ký mang tên Đinh Hoài V (giám đốc Công ty TNHH X2, Đại diện bên A) và hình dấu màu đỏ mang tên Công ty TNHH X2; có chữ ký mang tên Bùi Văn H1 (Giám đốc Công ty TNHH X1, đại diện bên B) và hình dấu màu đỏ mang tên Công ty TNHH X1, gồm 02 tờ, được đánh số thứ tự từ 01 đến 02;
- 02 (hai) Tờ trình số 28/TT/2025 đề ngày 14/01/2025 của Công ty TNHH T11 về xin chủ trương cấp đất để đầu tư xây dựng dự án Trung tâm Thương mại A1, có chữ ký mang tên Lê Thanh B (Giám đốc) và hình dấu mang tên Công ty TNHH T11. Mỗi tờ trình gồm 02 tờ, được đánh số thứ tự từ 01 đến 02;

- 02 (hai) Tờ trình số 27/TT/2025 đề ngày 14/01/2025 của Công ty TNHH T11 về xin chủ trương cấp đất để đầu tư xây dựng dự án Trung tâm Thương mại A1, có chữ ký mang tên Lê Thanh B (Giám đốc) và hình dấu mang tên Công ty TNHH T11. Mỗi tờ trình gồm 02 tờ, được đánh số thứ tự từ 01 đến 02;

- 01 (một) Bản sao công chứng CCCD mang tên Lê Thanh B;

- 01 (một) bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên X, mã số doanh nghiệp: 2902195xxx;

- 02 (hai) quyển sổ màu xanh, đề tên Dự án xây dựng Trung tâm thương mại K2, Chủ dự án: Công ty TNHH T11. Mỗi quyển sổ gồm 12 tờ, được đánh số thứ tự từ 01 đến 12;

- 01 (một) quyển sổ màu xanh, đề tên Hồ sơ pháp lý của Công ty TNHH T11, gồm 20 tờ, được đánh số thứ tự từ 01 đến 20;

- 40 (bốn mươi) tờ khổ A3, Bản vẽ Công trình Trung tâm thương mại A1.

3. Về trách nhiệm dân sự:

- Bị cáo Lê Thanh B phải bồi thường thiệt hại cho chị Quách Thị T số tiền 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng) và trả cho chị T số tiền vay 175.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Tổng cộng là 455.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi lăm triệu đồng).

Giao cho chị Quách Thị T số tiền 280.100.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu một trăm nghìn đồng) là số tiền bị cáo tự nguyện nộp gồm 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) theo Giấy nộp tiền số 210126.0024.000030 ngày 21/01/2026; 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) theo Giấy nộp tiền số 050126.0024.000096 ngày 05/01/2026; 27.100.000 đồng (Hai mươi bảy triệu một trăm nghìn đồng) theo Giấy nộp tiền số 230426.0024.000236 ngày 23/04/2026 và 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng) trong số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo Giấy nộp tiền số 270226.0011.000274 ngày 27/02/2026 mà chị Nguyễn Thị Quỳnh N (vợ của bị cáo Lê Thanh B) đã nộp vào Tài khoản tạm giữ Sở T tại Ngân hàng TMCP N1 - Chi nhánh V1. Số tiền còn lại bị cáo Lê Thanh B phải trả cho chị T là: 174.900.000 đồng (Một trăm bảy mươi tư triệu chín trăm nghìn đồng).

- Bị cáo Lê Thanh B phải bồi thường thiệt hại cho anh Bùi Văn H1 số tiền 77.000.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu đồng) và trả cho anh H1 số tiền vay 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng). Tổng cộng là 86.000.000 đồng (Tám mươi sáu triệu đồng).

Giao cho anh Bùi Văn H1 số tiền 77.000.000 đồng là số tiền bị cáo tự nguyện nộp gồm số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) theo Giấy nộp tiền số 020226.0024.000005 ngày 02/02/2026 và 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) trong số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) theo Giấy nộp tiền số 270226.0011.000274 ngày 27/02/2026 mà chị Nguyễn Thị Quỳnh N (vợ của bị cáo Lê Thanh B) nộp đã vào Tài khoản tạm giữ Sở T tại Ngân hàng TMCP N1 -

Chi nhánh V1. Số tiền còn lại bị cáo Lê Thanh B phải trả cho anh Bùi Văn H1 là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Lê Thanh B phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm và 9.195.000 đồng (Chín triệu một trăm chín mươi lăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án lên Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại HN;
- VKSND tối cao tại HN;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Công an tỉnh Nghệ An;
- THA tỉnh Nghệ An;
- Công an, UBND xã Đại Đồng, Nghệ An;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Thanh Hương